

Bản án số:93/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 05 - 2026

“V/V Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Lý – Ông Nguyễn Bá Tấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhật Thanh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 05 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 72/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐST- HNGĐ ngày 10/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số:53/2026/QĐ-HPT ngày 28/04/2026.

Giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành T, sinh ngày 20/08/1980.

Địa chỉ: xóm Đ, xã Y, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

- **Bị đơn:** Bà Võ Thị T1, sinh ngày 05/10/1983.

Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: xóm Đ, xã Y, tỉnh Nghệ An

Hiện nay đang lẩn ăn tại Nhật Bản không rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc. (*Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nội dung bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Đầu năm 2003 thì ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị T1 gặp nhau trong quá trình đi làm ăn tại M. Do muốn xây dựng hôn nhân với nhau, nên ông T, bà T1 đã tìm hiểu, yêu đương nhau một thời gian.Sau đó ông T và bà T1 quyết định xây dựng hôn nhân đối với nhau.Tháng 6/2003 thì ông T, bà T1 được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi tại M nơi ông T và bà T1 làm việc, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến ngày 31/12/2003 ông T và bà T1 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An, nay là xã Y, tỉnh Nghệ An được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số:158/2003 ngày 31/12/2003.Theo

ông T sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra trong cuộc sống chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến năm 2020 thì ông T đi ra nước ngoài để làm ăn, do mất tình cảm đối với bà T1 nên ông T không quan tâm đến bà T1 nữa. Cuối năm 2023 thì bà T1 đến Nhật Bản để làm ăn, nhưng bà T1 không cho ông T và gia đình bên nội và con cái biết cụ thể địa chỉ nơi làm việc của bà T1 tại Nhật Bản. Bà T1 chỉ kết nối thông tin với hai con chung của vợ chồng qua mạng xã hội Facebook. Do ông T không quan tâm đến bà T1 trong thời gian ông T đang ở nước ngoài, nên bà T1 đã ghen bóng ghen gió cho rằng ông T có trai gái ngoài luồng, nên mỗi lần vợ chồng liên lạc với nhau thì giữa ông T và bà T1 đã có những lời lẽ xử sự thiếu tôn trọng nhau. Để không ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần, ông T đã chặn liên lạc và đứt các quan hệ đối với bà T1. Xác định hôn nhân đã đổ vỡ nên buộc ông T phải về Việt Nam làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với bà Võ Thị T1. Quá trình giải quyết vụ án ông T xác định đã mất hết tình cảm, tình yêu đối với bà T1, hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ. Do đó ông T đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà Võ Thị T1 để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung anh Nguyễn Thành N (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/07/2004 và cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009. Hiện nay anh Nguyễn Thành N (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/07/2004 con đầu của vợ chồng đã trưởng thành, khỏe mạnh, nên ông T không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009 chưa trưởng thành, hiện nay đang sinh sống trực tiếp với ông T. Do cháu C có nguyện vọng được sinh sống với bố, nên ông T đề nghị giao cháu C cho ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Thành T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số: 1758/QLXNC-Đ1 ngày 18/04/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N thông tin cho biết: Công dân Võ Thị T1, sinh ngày 05/10/1983; Số CCCD 042183005611 đã sử dụng hộ chiếu P01548323 để xuất cảnh ra nước ngoài lần thứ nhất vào ngày 16/11/2023, nhập cảnh về Việt Nam vào ngày 03/05/2025. Xuất cảnh lần thứ hai vào ngày 12/05/2025 qua cửa khẩu Sân bay N2 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Do nguyên đơn ông Nguyễn Thành T không xác định được địa chỉ nơi làm việc, cư trú của bị đơn bà Võ Thị T1 tại Nhật Bản. Tòa án đã hai lần gửi công văn đến anh Nguyễn Thành N là con đầu của ông T, bà T1 đã trưởng thành yêu cầu anh N cung cấp địa chỉ nơi cư trú làm việc của bà T1 ở nước ngoài, nhưng anh N không cung cấp được.

Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Thành N1 con chung của ông T, bà T1 đã trưởng thành: Anh Nguyễn Thành N cho biết hiện nay mẹ của anh là bà Võ Thị T1 đang làm ăn tại Nhật Bản. Do bà T1 không cho anh biết địa chỉ cụ thể nơi cư trú, làm việc của bà T1 tại

Nhật Bản, nên anh N không cung cấp được cho Toà án để thực hiện uỷ thác tư pháp ra nước ngoài. Đối với các văn bản tố tụng mà Toà án tổng đạt cho bị đơn bà Võ Thị T1 anh đã nhận thay cho bà Võ Thị T1. Anh N đã thông tin và thông báo cho bà T1 biết qua mạng xã hội Faceook, bà T1 biết rõ khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết nuôi con chung giữa bố anh ông Nguyễn Thành T đối với mẹ anh là bà Võ Thị T1 tại Toà án, nhưng bà T1 không có ý kiến phản hồi gì.

Đối với bị đơn bà Võ Thị T1 do không xác định được địa chỉ nơi làm việc tại Nhật Bản, nên Thẩm phán không thể thực hiện được việc uỷ thác ra nước ngoài để tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai của bà Võ Thị T1 về việc khởi kiện của ông Nguyễn Thành T tại Tòa án.

Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương nơi ông Nguyễn Thành T, bà Võ Thị T1 cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa ông T, bà T1 không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Con chung chưa thành niên của vợ chồng cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009 đang được ông Nguyễn Thành Trung trực T2 chăm sóc nuôi dưỡng, ông T nuôi con day con tốt phát triển về mọi mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị: xử cho ông Nguyễn Thành T được ly hôn bà Võ Thị T1; Giao con chung cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009 cho ông Nguyễn Thành Trung trực T2 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Võ Thị T1 vì ông Nguyễn Thành T chưa yêu cầu. Bà Võ Thị T1 người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH17 ngày 30/6/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết nuôi con chung đối với bị đơn bà Võ Thị T1 là Tranh chấp hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực. Bị đơn có nơi cư trú trước lúc xuất cảnh là tại xóm Đ, xã Y, Nghệ An, nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Do bị đơn bà Võ Thị T1 đang làm ăn tại nước ngoài, không cho con đẻ của bà là anh Nguyễn Thanh N1 biết địa chỉ nơi cư trú làm việc cụ thể của bà T1 tại Nhật bản. Do đó anh N1 không thể cung cấp được địa chỉ nơi cư trú, làm việc của bà T1 cho Tòa án, để Tòa án thực hiện việc uỷ thác tư pháp. Căn cứ Điều 10 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình. Thì đây là trường hợp đương sự cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà Võ Thị Tiếp T3 qui định của pháp luật.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Võ Thị T1 vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn tiếp tục đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt có lý do của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T, xét xử vắng mặt không có lý do đối với bị đơn bà Võ Thị T1 .

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị T1 được các bên tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông T, bà T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã Y, tỉnh Nghệ An) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 158/2003 ngày 31/12/2003. Do đó xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị T1 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa ông T và bà T1 tan rã, đổ vỡ. Là do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Sau khi bà T1 đi ra nước ngoài thì ông T, bà T1 đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng mất hết tình cảm, không liên lạc với nhau để níu kéo hôn nhân. Điều này

cho thấy hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị T1 đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như các bên mong muốn. Do đó ông T yêu cầu toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà T1 là có căn cứ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Thành T được ly hôn bà Võ Thị T1.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông T bà T1 có hai con chung anh Nguyễn Thành N (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/07/2004 và cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009. Hiện nay anh Nguyễn Thành N (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/07/2004 con đầu đã trưởng thành khoẻ mạnh, nên Tòa án miễn xét. Đối với con chung cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009 chưa trưởng thành hiện nay đang sinh sống trực tiếp với ông T, cháu C có nguyện vọng được sinh sống với bố, nên ông T đề nghị giao cháu C cho ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung, quyền lợi của con chung được đảm bảo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử giao con chung cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009 cho ông Nguyễn Thành Trung trực T2 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung trưởng thành.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông Nguyễn Thành T chưa yêu cầu bà Võ Thị T1 thực hiện nghĩa vụ cấp nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T1 cho đến lúc ông T có đơn yêu cầu.

-Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Thành T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thành T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Điều 10 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Ông Nguyễn Thành T được ly hôn bà Võ Thị T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Thành C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/11/2009 cho ông Nguyễn Thành Trung trực T2 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con con chung cho bà Võ Thị T1 vì ông Nguyễn Thành T chưa yêu cầu.

Bà Võ Thị T1 người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và

yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1 qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Ông Nguyễn Thành T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Án phí ly hôn sơ thẩm ông T phải nộp được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai nộp tiền số: 000111 ngày 23/02/2026, ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND KV6-NA.
- THA DS-NA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Yên Thành -NA (Nơi ĐKKH)

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Anh Ngọc